



VnDoc - Tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

LUYỆN THI TOEIC NĂM 2019

TỔNG HỢP NGỮ PHÁP TIẾNG ANH

Bài thi Toeic là bài kiểm tra Tiếng Anh đánh giá khả năng sử dụng Tiếng Anh trong các tình huống thường ngày của các đối tượng muốn sinh sống và làm việc trong môi trường quốc tế. Ngoài ra, đây còn là chuẩn ngoại ngữ để các bạn sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp ra trường.

Muốn vượt qua bài kiểm tra này, điều bạn cần quan tâm đó là phải nắm vững **Ngữ pháp tiếng anh TOEIC**. Vì thế, việc học ngữ pháp tiếng anh Toeic một cách hệ thống sẽ giúp bạn hiểu được ngữ pháp nhanh chóng và nhớ lâu hơn. VnDoc.com sẽ chia sẻ “**Những kiến thức ngữ pháp Tiếng Anh luyện thi Toeic 2019**” để giúp các bạn luyện thi thật hiệu quả ^^

1. Các thì thường gặp trong bài thi TOEIC

Thì trong ngữ pháp tiếng Anh, đặc biệt là ngữ pháp TOEIC chú ý đến cách sử dụng thì trong ngữ cảnh, khoảng thời gian xác định. Ngữ pháp TOEIC xoay quanh cách sử dụng 12 thì trong tiếng Anh, bao gồm:

- Thì hiện tại đơn
- Thì hiện tại tiếp diễn
- Thì hiện tại hoàn thành
- Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn
- Thì quá khứ đơn
- Thì quá khứ tiếp diễn
- Thì quá khứ hoàn thành
- Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn
- Thì tương lai đơn



- Thì tương lai tiếp diễn
- Thì tương lai hoàn thành
- Thì tương lai hoàn thành tiếp diễn

2. Các dạng thức của động từ V- ing (GERUND) & To Verb (TO - INFINITIVE)

Dạng câu hỏi ngữ pháp TOEIC cũng thường xuất hiện phân tích cấu trúc Gerund hay To – Infinitive nhằm xác định trình độ của học viên thi TOEIC.

3. Động từ khuyết thiếu (Modal Verbs)

Động từ khuyết thiếu (Modal Verb) là loại động từ đặc biệt chỉ đi kèm và thực hiện chức năng hỗ trợ cho động từ chính trong câu chứ không đứng một mình như một động từ chính trong câu.

Các động từ khuyết thiếu trong tiếng Anh: can, could, may, might, will, would, must, shall, should, ought to

Form: **S + modal verb + bare Infinitive**

Ex: **They can speak French and English.**

Could you tell me the right time, please?

4. Từ loại

Từ loại là những loại từ cơ bản thường gặp trong ngữ pháp tiếng Anh. Có 8 từ loại thường được sử dụng:



Loại từ	Cách sử dụng	Ví dụ
Danh từ (Nouns)	Gọi tên người, đồ vật, sự việc hay nơi chốn.	teacher, desk, sweetness, city
Đại từ (Pronouns)	Thay thế cho danh từ	I, you, them, who, that, himself, someone.
Động từ (Verb)	Diễn tả một hành động, một tình trạng hay một cảm xúc	Play, do, make, run.
Tính từ (Adjectives)	Cung cấp tính chất cho danh từ, làm cho danh từ rõ nghĩa hơn, chính xác và đầy đủ hơn.	Beautiful, new, old, dirty.
Trạng từ (Adverbs)	Bổ sung ý nghĩa cho một động từ, một tính từ hay một trạng từ khác	Quickly, large, slowly
Giới từ (Prepositions)	Diễn tả mối tương quan về hoàn cảnh, thời gian hay vị trí.	By, to, with, of, near.
Liên từ (Conjunctions)	Là từ nối các từ (words), ngữ (phrases) hay câu (sentences) lại với nhau.	But, because, and.
Thán từ (Interjections)	Diễn tả tình cảm hay cảm xúc đột ngột, không ngờ	Oh! Hello! Ah!

5. Các loại so sánh

-So sánh hơn

Form: Tính từ ngắn + er + than.

Ex: My ruler is shorter than Nam's

Form: More + tính từ dài + than

Ex: Gold is more valuable than silver.

-So sánh nhất

Form:

S + V + the + Tính từ ngắn + est.



Ex: Russia is the biggest country.

Form: S + V + the most + adj.

Ex: Platinum is the most valuable metal.

6. Câu bị động

Qui tắc câu bị động:

- Động từ của câu bị động: To be + Past Participle (PII).
- Tân ngữ của câu chủ động thành chủ ngữ của câu bị động
- Chủ ngữ của câu chủ động thành chủ ngữ của giới từ “BY”

7. Câu điều kiện

Câu điều kiện gồm có hai phần: Một phần nêu lên điều kiện và một phần còn lại nêu lên kết quả hay được gọi là mệnh đề chỉ điều kiện và mệnh đề chỉ kết quả. Thêm đó, hai mệnh đề trong câu điều kiện có thể đổi chỗ được cho nhau.

Câu điều kiện có 4 loại:

Loại 1: Điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Ex: If I have enough money, I will buy a new car.

Form: **If + Thì hiện tại đơn, Thì tương lai đơn**

Loại 2: Điều kiện không thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai -ước muốn ở hiện tại. (Nhưng thực tế không thể xảy ra được)



Ex: If I had millions of US dollars now, I would give you a half. (I have some money only now)

Form: If + Thì quá khứ đơn, S + would/ Could/ Should + V

Chú ý: Ở câu điều kiện loại 2, trong vế “IF”, “to be” của các ngôi chia giống nhau và là từ "were", chứ không phải "was". Loại 3: Điều kiện không thể xảy ra trong quá khứ – mang tính ước muốn trong quá khứ. (nhưng thực tế không thể xảy ra được)

Ex: If they had had enough money, they would have bought that villa.

Form: If + thì quá khứ hoàn thành, S + would/ could/ should + have PII + O.

Loại 4: Cấu trúc này dùng để diễn tả một sự việc trái với quá khứ dẫn đến một kết quả trái với hiện tại

Ex: If I had been born in town, I would like life there.

(the fact that I wasn't born in town, so I don't like life there now)

Form: Clause 1 (would + V) if + Clause 2 (had + P2)

8. Mệnh đề quan hệ

Mệnh đề là một phần của câu . Mệnh đề quan hệ cho chúng ta biết người hay vật nào mà ta muốn ám chỉ. Mệnh đề quan hệ có thể được thành lập bằng cách dùng đại từ quan hệ, trạng từ quan hệ, giới từ....

Các mệnh đề quan hệ thường gặp: Who; Which; Whom; Whose; That; Why; Where; When

Ex: I told you about the woman who lives next door.



Tôi nói với bạn về người phụ nữ sống kế bên nhà.

He couldn't read which surprised me.

Anh ấy không thể đọc được điều đó làm tôi ngạc nhiên.

Do you still remember the day when we first met?

Bạn có còn nhớ ngày chúng ta gặp nhau lần đầu không?

9. Câu giả định

Câu giả định hay còn gọi là câu cầu khiến là loại câu đối tượng thứ nhất muốn đối tượng thứ hai làm một việc gì. Câu giả định có tính chất cầu khiến chứ không mang tính ép buộc như câu mệnh lệnh.

Cách sử dụng câu giả định bao gồm:

+Câu giả định dùng “would rather” và “that”

Ex: I would rather that you call me tomorrow.

Tốt hơn là bạn hãy gọi cho tôi vào ngày mai.

Bob would rather that Jill had gone to class yesterday.

Bob cho rằng hôm qua Jill đã đến lớp.

(Jill did not go to class yesterday)

+Câu giả định dùng với động từ

Advise Demand Prefer Require



VnDoc - Tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

Ask Insist Propose Stipulate
Command Move Recommend Suggest
Decree Order Request Urge

+Câu giả định dùng với tính từ

Necessary
Advised Essential Recommended Urgent
Vital
Important Obligatory Required Imperative
Mandatory Proposed Suggested

Một số trường hợp đặc biệt

Ex: God save the queen !.

It is time for me to get to the airport (just in time).

Trên đây là Tổng hợp Ngữ pháp Tiếng Anh luyện thi TOEIC 2019. Ngoài ra bạn đọc có thể tham khảo thêm: tài liệu ôn thi TOEIC hiệu quả khác như: [Tổng hợp ngữ pháp TOEIC](#), [Tài liệu luyện kỹ năng Tiếng Anh cơ bản](#), [Ôn tập Ngữ pháp Tiếng Anh](#), [Luyện thi Tiếng Anh trực tuyến](#),... được cập nhật liên tục trên VnDoc.com.